

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 02 năm 2022

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Kiều Thị Thắng; ;

- Bà Hoàng Thị Hạnh. .

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy- Thư ký Toà án nhân dân huyện TD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tr, sinh năm 1964 (có mặt)

Bị đơn: ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn SĐ, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn trình bày: Bà Đỗ Thị Tr và ông Trịnh Văn T kết hôn ngày 04/10/1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống tại nhà ông T tại thôn SĐ, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc được khoảng 1 năm thì vợ chồng ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 1991 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến năm 2004 ông bà sống riêng mỗi người một nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Tr xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Trịnh Văn T1, sinh năm 1985, Trịnh Thị A, sinh năm 1987 và Trịnh Xuân Kh, sinh năm 1991. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông T vì thực sự tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Đỗ Thị Tr được ly hôn ông Trịnh Văn T. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị Tr và ông Trịnh Văn T kết hôn ngày 04/10/1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà Tr xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, bà tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, để vợ chồng ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã KL đã xác định: Bà Đỗ Thị Tr và ông Trịnh Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi đăng ký kết hôn ông bà về chung sống tại nhà ông T ở thôn SĐ, xã KL, huyện TD, sau đó ra ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương cũng không nắm được. Từ năm 2004 do mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà Tr có đơn

xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Pháp luật. Về con chung, ông bà có 03 con chung đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà Tr đã sống ly thân thời gian đã lâu (từ 2004 đến nay). Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, xử cho bà Đỗ Thị Tr được ly hôn ông Trịnh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Trịnh Văn Tuấn, sinh năm 1985, Trịnh Thị An, sinh năm 1987 và Trịnh Xuân Khánh, sinh năm 1991. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức; đất canh tác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Bà Đỗ Thị Tr được ly hôn ông Trịnh Văn T.
2. Về tài sản chung; vay nợ; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Tr phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002763 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD (bà Tr đã nộp đủ án phí).

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- UBND xã KL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung